

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC THÀNH PHỐ QUẢNG NINH NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 463 /KH-UBND ngày 21 /10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2026	Số có mặt	Số chưa sử dụng	Số đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	4.432	3.820	390	228	
	Dự phòng	222				
A	ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ NHU CẦU	3.304	2.942	362	228	
I	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	1.227	1.139	88	47	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân TP	89	75	14	5	Văn phòng; Tổng hợp
2	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	45	43	2	1	Công nghệ thông tin
3	Sở Khoa học và Công nghệ	55	53	2	1	Công nghệ thông tin
4	Sở Công Thương	147	146	1	1	Xuất nhập khẩu
5	Sở Nội vụ	90	85	5	4	Cải cách hành chính; Xây dựng chính quyền; Người có công
6	Sở Ngoại vụ	25	22	3	2	Đối ngoại
7	Sở Y tế	80	69	11	5	Dược; Dân số; Vệ sinh thực phẩm; Văn phòng
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	391	360	31	21	Đất đai; Môi trường; Kiểm lâm; Thủy lợi; Kiểm ngư; Nông nghiệp; Thú y
9	Sở Tư pháp	31	28	3	1	Tư pháp
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo	25	22	3	2	Tôn giáo; Công nghệ thông tin
11	Sở Xây dựng	116	111	5	2	Xây dựng, quy hoạch
12	Thanh tra thành phố	133	125	8	2	Thanh tra
II	KHỐI ĐỊA PHƯƠNG	2.077	1.803	274	181	
1	Phường Liên Hòa	54	49	5	3	Công nghệ thông tin; Xây dựng; Nội vụ
2	Phường Đông Mai	51	33	18	15	Công nghệ thông tin; Đất đai; Tài chính; Thương mại; Xây dựng; Nội vụ; Y tế; Văn hoá; Tư pháp; Thanh tra

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2026	Số có mặt	Số chưa sử dụng	Số đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7
3	Phường Hiệp Hòa	48	40	8	5	Đất đai; Xây dựng; Văn phòng; Văn hoá
4	Phường Phong Cốc	48	41	7	5	Công nghệ thông tin; Môi trường; Nội vụ; Xây dựng; Văn phòng
5	Phường Hà An	52	42	10	5	Công nghệ thông tin; Môi trường; Đất đai; Xây dựng; Văn phòng
6	Phường Quảng Yên	52	51	1	1	Tài chính
7	Phường An Sinh	51	49	2	2	Công nghệ thông tin; Giáo dục
8	Phường Hoàng Quế	51	44	7	6	Công nghệ thông tin; Tài chính; Xây dựng; Môi trường; Văn phòng
9	Phường Bình Khê	50	36	14	10	Kế hoạch; Xây dựng; Thương mại; Thanh tra; Y tế; Giáo dục; Văn phòng
10	Phường Mạo Khê	72	65	7	3	Kế hoạch; Giao thông; Nông nghiệp
11	Phường Đông Triều	67	64	3	3	Kế hoạch; Xây dựng;
12	Phường Yên Tử	56	48	8	7	Công nghệ thông tin; Công thương; Tôn giáo; Văn hoá; Văn phòng
13	Phường Uông Bí	71	67	4	1	Xây dựng, quy hoạch
14	Phường Vàng Danh	55	47	8	3	Kế hoạch; Tài chính; Văn phòng
15	Phường Bãi Cháy	49	43	6	4	Kế hoạch; Đất đai; Giáo dục; Nội vụ
16	Phường Cao Xanh	48	40	8	5	Tài chính; Kế hoạch; Xây dựng; Văn hoá; Truyền thanh
17	Phường Hà Tu	47	39	8	6	Công nghệ thông tin; Nội vụ; Y tế; Tôn giáo; Thương mại; Văn phòng
18	Xã Thống Nhất	49	41	8	3	Nông nghiệp; Kế hoạch; Đất đai
19	Phường Việt Hưng	51	45	6	5	Công nghệ thông tin; Nội vụ; Dân tộc; Thương mại; Văn phòng
20	Phường Hoàn Kiếm	52	43	9	4	Công nghệ thông tin; Khoa học CN; Thanh tra
21	Xã Quảng La	41	32	9	7	Công nghệ thông tin; Y tế; Giáo dục; Xây dựng; Văn phòng
22	Phường Quang Hanh	59	48	11	7	Tư pháp; Kế hoạch; Thương mại; Xây dựng; Y tế; Khoa học CN; Văn hoá

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2026	Số có mặt	Số chưa sử dụng	Số đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7
23	Phường Cửa Ông	59	52	7	3	Công nghệ thông tin; Nội vụ; Văn phòng
24	Xã Hải Hòa	32	28	4	1	Công nghệ thông tin
25	Phường Móng Cái 1	67	63	4	2	Kế hoạch; Văn phòng
26	Phường Móng Cái 2	51	48	3	2	Xây dựng; Đối ngoại
27	Phường Móng Cái 3	49	39	10	6	Công nghệ thông tin; Xây dựng; Nông nghiệp; Nội vụ; Đối ngoại; Văn phòng
28	Xã Hải Sơn	32	28	4	2	Công nghệ thông tin; Nội vụ
29	Xã Hải Ninh	35	34	1	1	Công nghệ thông tin
30	Xã Vĩnh Thục	35	34	1	1	Công nghệ thông tin
31	Xã Đường Hoa	47	40	7	3	Xây dựng; Nông nghiệp; Thanh tra
32	Xã Quảng Hà	59	56	3	3	Tài chính; Văn phòng; Trung tâm phục vụ HCC
33	Xã Quảng Đức	44	43	1	1	Công nghệ thông tin
34	Xã Bình Liêu	49	39	10	7	Công nghệ thông tin; Kế hoạch; Xây dựng; Đất đai; Văn phòng
35	Xã Hoàn Kiếm	42	36	6	6	Công nghệ thông tin; Đất đai; Xây dựng; Thương mại; Giáo dục; Tư pháp
36	Xã Lục Hồn	39	36	3	3	Công nghệ thông tin; Lao động; Văn phòng
37	Xã Diên Xá	42	32	10	7	Công nghệ thông tin; Giáo dục; Đất đai; Kế hoạch; Văn phòng; Tài chính
38	Xã Tiên Yên	49	42	7	5	Công nghệ thông tin; Tài chính; Thương mại; Xây dựng; Nông nghiệp
39	Xã Đông Ngũ	46	33	13	10	Công nghệ thông tin; Văn hoá; Nội vụ; Xây dựng; Tài chính; Nông nghiệp; Công nghiệp; Thủy sản; Văn phòng; Trung tâm phục vụ HCC
40	Xã Quảng Tân	45	43	2	1	Tài chính
41	Xã Kỳ Thượng	40	37	3	3	Công nghệ thông tin; Tài chính; Xây dựng
42	Xã Lương Minh	41	33	8	4	Đất đai; Xây dựng; Tư pháp; Y tế

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2026	Số có mặt	Số chưa sử dụng	Số đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7
B	ĐƠN VỊ KHÔNG ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC	906	878	28	0	
I	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	267	256	11	0	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP	39	35	4	0	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	54	50	4	0	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	64	63	1	0	
4	Sở Tài chính	110	108	2	0	
II	KHỐI ĐỊA PHƯƠNG	639	622	17	0	
1	Phường Mông Dương	36	36	0	0	
2	Phường Cẩm Phả	62	60	2	0	
3	Phường Hồng Gai	42	42	0	0	
4	Phường Hà Lâm	44	43	1	0	
5	Phường Hạ Long	43	42	1	0	
6	Phường Tuần Châu	35	35	0	0	
7	Xã Ba Chẽ	52	50	2	0	
8	Xã Đầm Hà	52	50	2	0	
9	Xã Cái Chiên	21	21	0	0	
10	Xã Hải Lạng	32	29	3	0	
11	Đặc khu Cô Tô	52	52	0	0	
12	Đặc khu Vân Đồn	168	162	6	0	